TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 135/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 29 - 12 - 2019
V/v tranh chấp Hôn nhân và gia đình.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Thái Thị Hồng Vân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hồ Viết Tùng

Ông Trần Huy Lợi

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Văn Đồng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Tuyết Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 135/2019/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2019 về việc "Tranh chấp Hôn nhân và Gia đình"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 111/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị G, sinh năm 1994. Vắng mặt.

Trú tại: Xóm N1, xã P, huyện N, tỉnh Nghệ An.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1991. Vắng mặt.

Nơi đăng ký HKTT trước khi xuất cảnh: Xóm 8, xã T, huyện TC, tỉnh Nghệ An.

Hiện nay đang sinh sống và làm việc tại Đài Loan.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Nguyễn Văn H1, sinh năm 1967. Vắng mặt.
- Bà Nguyễn Thị H2, sinh năm 1969. Vắng mặt.

Đều trú tại: Xóm 8, xã T, huyện TC, tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Căn cứ đơn xin ly hôn đề ngày 18/6/2019, bản tự khai, lời trình bày của nguyên đơn chị Nguyễn Thị G: Chị và anh Nguyễn Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện N, tỉnh Nghệ An vào ngày 25/02/2013. Sau khi kết hôn hai vợ chồng về chung sống tại nhà chồng ở xóm 8, xã T, huyện TC, tỉnh Nghệ An. Vợ chồng chung sống với nhau được

khoảng 02 năm thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Đến đầu năm 2016, chị G làm thủ tục đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan và trong năm 2016 anh Nguyễn Văn H cũng làm thủ tục đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, hai vợ chồng không chung sống với nhau. Được khoảng mấy tháng thì anh H quay trở lại Việt Nam. Đến đầu năm 2017 anh H quay trở lại Đài Loan làm việc thì hai vợ chồng chung sống với nhau. Vợ chồng chung sống với nhau được khoảng vài tháng thì mâu thuẫn lại xảy ra. Do không chịu được nên chị G đã chuyển ra ký túc xá của công ty. Từ khi ra ở riêng thì hai vợ chồng không còn liên lạc gì với nhau nữa, không quan tâm nhau. Đầu năm 2019 chị G về Việt Nam từ đó đến nay. Nay chị G thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa nên chị G làm đơn xin ly hôn với anh Nguyễn Văn H tại Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung, cháu tên là Nguyễn Thị Kim H5, sinh ngày 18/7/2014. Từ khi cháu H5 sinh ra cho đến nay đều ở với ông bà nội (bố mẹ đẻ của anh Nguyễn Văn H) là ông Nguyễn Văn H1 và bà Nguyễn Thị H2. Các chi phí sinh hoạt của cháu H5 đều do chị Nguyễn Thị G gửi từ nước ngoài về cho ông bà chăm sóc, nuôi dưỡng cháu H5. Ly hôn, nguyện vọng của chị G mong muốn được tiếp tục chăm sóc cháu Nguyễn Thị Kim H5 đến khi cháu đủ 18 tuổi, trưởng thành. Chị G không yêu cầu anh Nguyễn Văn H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ: Tài sản chung và nợ chung vợ chồng không có. Chị Nguyễn Thị G không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn H1 và bà Nguyễn Thị H2 vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có ý kiến trình bày như sau: Vợ chồng chị Nguyễn Thị G và anh Nguyễn Văn H có 01 con chung, cháu tên là Nguyễn Thị Kim H5, sinh ngày 18/7/2014. Từ khi cháu H5 sinh ra cho đến nay đều ở với ông bà. Các chi phí sinh hoạt của cháu H5 đều do chị Nguyễn Thị G gửi từ nước ngoài về cho ông bà chăm sóc, nuôi dưỡng cháu H5. Ly hôn nguyện vọng của chị G mong muốn được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu H5 thì ông bà có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng cháu H5 và ông bà không có yêu cầu gì về các khoản tiền chi phí đã bỏ ra chăm sóc và nuôi dưỡng cháu H5 là con chung của chị G và anh H cả.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã yêu cầu ông Nguyễn Văn H1 và bà Nguyễn Thị H2 (bố mẹ đẻ của anh H) cung cấp địa chỉ, tin tức của anh H cho Tòa án nhưng ông Hồng và bà Hà không cung cấp cũng không thực hiện yêu cầu của Tòa án thông báo cho anh H biết, nên đề nghị Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo đúng thủ tục chung.

Về nội dung: Về quan hệ hôn nhân cần áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cho chị Nguyễn Thị G và anh Nguyễn Văn H được ly hôn.

Về con chung: Giao con chung cháu Nguyễn Thị Kim H5, sinh ngày 18/7/2014 cho chị Nguyễn Thị G trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi cháu đủ 18 tuổi, trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị G không yêu cầu anh Nguyễn Văn H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Dành quyền khởi kiện cho chị G khi có yêu cầu.

Về tài sản, nợ: Chị Nguyễn Thị G không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị không xem xét. Dành quyền khởi kiện cho các đương sự khi có yêu cầu.

Về án phí, lệ phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị G phải chịu án phí, lệ phí theo quy định tại Điều 147, khoản 3 Điều 153 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ, trên cơ sở xem xét đầy đủ các chứng cứ, ý kiến của các bên đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị G chỉ cung cấp được địa chỉ nơi cư trú cuối cùng ở Việt Nam của anh Nguyễn Văn H mà không cung cấp được địa chỉ của bị đơn ở nước ngoài. Qua xác minh tại bố mẹ đẻ anh H là ông Nguyễn Văn H1 và bà Nguyễn Thị H2 thì họ vẫn có liên hệ với anh H bằng điện thoại. Tòa án đã yêu cầu đến lần thứ hai mà thân nhân của họ cũng không chịu cung cấp địa chỉ, tin tức của bị đơn cho Tòa án cũng như không chịu thực hiện yêu cầu của Tòa án thông báo cho bị đơn biết. Vì vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung.

Ông Nguyễn Văn H1 và bà Nguyễn Thị H2 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn xin xét xử vắng mặt, vì vậy Tòa án xét xử vắng mặt họ theo quy định tại khoản 1 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Chị Nguyễn Thị G và anh Nguyễn Văn H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện N, tỉnh Nghệ An vào ngày 25/02/2013. Sau khi kết hôn hai vợ chồng về chung sống tại nhà chồng ở xóm 8, xã T, huyện T, tỉnh Nghệ An. Vợ chồng chung sống với nhau được khoảng 02 năm thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, đầu năm 2016, chị G làm thủ tục đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan và trong năm 2016 anh Nguyễn Văn H cũng làm thủ tục đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan nhưng vợ chồng không sống chung với nhau. Được khoảng mấy tháng thì anh H quay trở lại Việt Nam. Đến đầu năm 2017

anh H quay trở lại Đài Loan làm việc thì hai vợ chồng chung sống với nhau. Vợ chồng chung sống với nhau được khoảng vài tháng thì mâu thuẫn lại xảy ra. Do không chịu được nên chị G đã chuyển ra ký túc xá của công ty. Từ khi ra ở riêng thì hai vợ chồng không quan tâm, liên lạc gì với nhau, đầu năm 2019 chị G về Việt Nam từ đó đến nay. Chị G thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa nên làm đơn xin ly hôn với anh Nguyễn Văn H tại Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An. Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị G và anh H đã trầm trọng, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không thể đạt được. Vì vậy, cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình giải quyết cho chị Nguyễn Thị G và anh Nguyễn Văn H được ly hôn.

[2.2] Về con chung: Chị Nguyễn Thị G và anh Nguyễn Văn H có 01 con chung, cháu tên là Nguyễn Thị Kim H5, sinh ngày 18/7/2014. Từ khi cháu H5 sinh ra cho đến nay đều ở với ông bà nội (bố mẹ đẻ của anh Nguyễn Văn H) là ông Nguyễn Văn H1 và bà Nguyễn Thị H2. Ly hôn, nguyện vọng của chị G mong muốn được tiếp tục chăm sóc cháu Nguyễn Thị Kim H5 đến khi cháu đủ 18 tuổi, trưởng thành. Chị G không yêu cầu anh Nguyễn Văn H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy, hiện nay anh H không có mặt tại địa phương, nên cần giao Nguyễn Thị Kim H5 cho chị Nguyễn Thị G trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp, đúng với quy định tại khoản 2 điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, hiện nay chị G chưa yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nên cần chấp nhận và dành quyền khởi kiện cho chị G khi có yêu cầu.

[2.3] Về tài sản chung, nợ: Chị Nguyễn Thị G không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Đối với các khoản tiền chi phí đã bỏ ra chăm sóc và nuôi dưỡng con của chị G và anh H ông Nguyễn Văn H1 và bà Nguyễn Thị H2 không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Chị Nguyễn Thị G phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 2 Điều 207; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 147 và Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị G và anh Nguyễn Văn H được ly hôn.

- Về con chung: Giao con chung cháu Nguyễn Thị Kim H5, sinh ngày 18/7/2014 cho chị Nguyễn Thị G trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi cháu đủ 18 tuổi, trưởng thành. Anh Nguyễn Văn H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, dành quyền khởi kiện cho chị Nguyễn Thị G khi có yêu cầu.

Cháu Nguyễn Thị Kim H5 hiện đang do ông Nguyễn Văn H1 và bà Nguyễn Thị H2 (bố mẹ đẻ anh H) chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Văn H1 và bà Nguyễn Thị H2 có nghĩa vụ giao cháu Nguyễn Thị Kim H5 cho chị Nguyễn Thị G theo quyết định của Tòa án.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị G phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Cục thi hành án tỉnh Nghệ An theo biên lai số 0004000 ngày 20/8/2019.

- Chị Nguyễn Thị G, ông Nguyễn Văn H1 và bà Nguyễn Thị H2 vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân Cấp cao tại Hà Nội trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ bản sao bản án.

Anh Nguyễn Văn H có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân Cấp cao tại Hà Nội trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Cục THADS tỉnh Nghệ An;
- UBND xã P;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Thái Thị Hồng Vân